

Số: 667/TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 23 – 29/8/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 25,9 – 27,4°C; Cao nhất: 33,4°C; Thấp nhất: 22,5°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 79 – 87%; Thấp nhất: 52%.
- Tổng số giờ nắng: 39 – 42 giờ. Lượng mưa: 61 – 134 mm.

Thời tiết: Trời nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, trưa chiều mưa nhiều nơi, có nơi mưa vừa, mưa to; ban đêm mưa rải rác, chủ yếu mưa nhỏ và vừa.

Mưa lớn khiến 448 ha lúa đang trong giai đoạn trổ chín tại Tân Phú bị ngập (Lúa bị ngập toàn bộ cây đã 4 ngày). Các loại cây trồng khác sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa:

Vụ Hè Thu: Diện tích 22.826 ha chủ yếu giai đoạn trổ-chín, thu hoạch.

Vụ Mùa: Xuống giống 1.176 ha/25.233 ha. Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trái-thu hoạch	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.415
Xoài	Phát triển thân lá	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Thu hoạch	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Phát triển thân lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Diện tích lúa Hè Thu phần lớn đã thu hoạch, lúa vụ Mùa mới gieo sạ nên các SVH có xu hướng giảm: Bệnh đạo ôn cổ bông DTN 128 ha giảm 220 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 348 ha giảm 184 ha.

2. Cây trồng khác

Thời tiết ngày nắng gián đoạn, chiều tối mưa nhiều tạo điều kiện cho một số loại nấm, bệnh do vi khuẩn phát triển, các loại sâu có xu hướng giảm. Nông dân chủ động phòng trừ nên DTN các loại sâu bệnh nhìn chung giảm so với kỳ trước.

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 300 ha giảm 22 ha do thời tiết mưa nhiều hạn chế các loại sâu phát triển, bệnh loét DTN 36 ha giảm 14 ha do nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả.

+ Chôm chôm: Bệnh cháy mép lá DTN 107 ha tăng 9 ha do thời tiết nóng, ẩm tạo điều kiện cho nấm gây bệnh phát triển.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mũ DTN 479 ha giảm 6 ha, bệnh nấm hồng DTN 229 ha không thay đổi so với kỳ trước do nông dân chú trọng phòng trừ bệnh.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 867 ha giảm 39 ha, bệnh chết chậm DTN 958 ha giảm 30 ha trong đó có 103 ha nhiễm nặng, nhìn chung SVH giảm do một số diện tích nhiễm trên cây già cỗi, nông dân đã phá bỏ.

+ Cây điều: Sâu bệnh trên cây điều tăng so với kỳ trước do cây điều đang trong giai đoạn phát triển thân lá, nông dân chưa chú trọng chăm sóc, ngoài ra thời tiết mưa nhiều tạo điều kiện bệnh nấm hồng phát triển, cụ thể: Sâu đục thân, cành DTN 406 ha tăng 6 ha, bệnh nấm hồng DTN 105 ha tăng 2 ha.

+ Cây mì:

Bọ phấn DTN 526 ha giảm 49 ha do nông dân đã thực hiện phun thuốc trừ bọ phấn nhằm hạn chế lây nhiễm bệnh khảm lá.

Bệnh khảm lá virus DTN 361,25 ha tăng 0,25 ha so với kỳ trước, trong đó có 65,55 ha nhiễm nhẹ, 103,8 ha nhiễm trung bình, 191,9 ha nhiễm nặng; DTN tại các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhơn Trạch. DTN tăng nhẹ do bệnh lây lan sang các diện tích trồng mì khác.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL - LXL, đạo ôn, bệnh bạc lá, sâu cuốn lá, bệnh lem lép hạt, chuột.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sâu riêng); bệnh cháy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thối trái, rệp sáp (chôm chôm).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số công văn số 4239/BNN-BVTV, ngày 4/6/2018 về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL, LXL hại lúa của Bộ NN&PTNT.

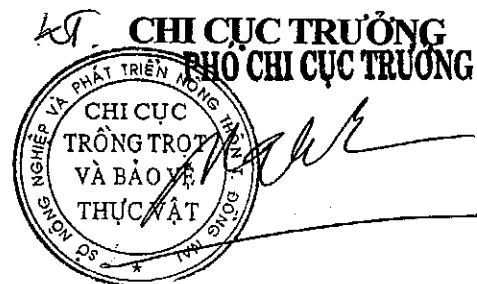
- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 4142/BNN-BVTV, ngày 30/5/2018 về việc Phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ NN&PTNT.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sâu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 23/8 đến ngày 29/8/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc-lá non	3 - 10		298	2	0	300	0	-22.0	76.0	202	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Ra lộc-lá non	5 - 10		52	0	0	52	0	20.0	19.0	17	Định Quán, Tân Phú
	Bệnh sọc	Ra lộc-lá non	5 - 8		46	1	0	47	0	-1.0	13.0	11	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh loét	Ra lộc-lá non	5 - 6		36	0	0	36	0	-14.0	-60.0	111	Vĩnh Cửu, Tân Phú
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Thu hoạch	10		104	3	0	107	0	9.0	51.0	24	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh muội đen	Thu hoạch	1 - 10		28	1	0	29	0	-5.0	13.0	5	Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		107	6	0	113	0	3.0	56.0	40	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		40	0	0	40	0	5.0	40.0	40	Thống Nhất
Dừa	Đuông	Các giai đoạn	10		20	0	0	20	0	0.0	20.0	30	Nhon Trạch
	Bọ cánh cứng	Các giai đoạn	5		15	0	0	15	0	0.0	15.0	30	Nhon Trạch
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		30	0	0	30	0	5.0	30.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	0.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 10		479	0	0	479	0	-6.0	222.0	204	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	7 - 10		301	0	0	301	0	6.0	200.0	108	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 15		229	0	0	229	0	0.0	162.0	128	Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh

	Rây bông	Các giai đoạn	5 - 10	157	0	0	157	0	0	0	0	24.0	27.0	136	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành, Thông Nhất
Thanh	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	75	19	5	99	0	0	0	1.0	-25.0	0	0	Trang Bom, Xuân Lộc
Xoài	Bệnh cháy lá	Ra lộc	5 - 7	169	0	0	169	0	0	0	19.0	93.0	250	0	Xuân Lộc, Vĩnh Cửu
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5	140	0	0	140	0	0	0	-83.0	85.0	0	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	10	3	0	0	3	0	0	0	-31.0	-23.0	0	0	Trang Bom
	Sâu đục vỏ trái	Nuôi trái	5	2	0	0	2	0	0	0	-2.0	0.0	0	0	Trang Bom
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20	704	9	0	713	0	0	0	-33.0	86.0	58	0	Cầm Mỹ, Định Quán, Trang Bom, Tân Phú, Thông Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15	420	2	0	422	0	0	0	6.0	-37.0	12	0	Cầm Mỹ, Trang Bom, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15	290	12	0	302	0	0	0	5.0	-10.0	16	0	Cầm Mỹ, Định Quán, Trang Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
Cao su	Bệnh phân tầng	Các giai đoạn	3 - 13	480	1	0	481	0	0	0	7.0	194.0	0	0	Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trang Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	7 - 20	434	2	0	436	0	0	0	-14.0	308.0	237	0	Tân Phú, Long Thành, Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trang Bom
	Bệnh rụng lá	Các giai đoạn	5 - 9	49	2	0	51	0	0	0	0.0	8.0	25	0	Trang Bom, Thông Nhất
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn	10	40	0	0	40	0	0	0	0.0	-19.0	37	0	Thông Nhất
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 10	403	3	0	406	0	0	0	6.0	100.0	25	0	Cầm Mỹ, Định Quán, Trang Bom, Thông Nhất
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16	105	0	0	105	0	0	0	2.0	-102.0	0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
	Bệnh thân thư	Các giai đoạn	5 - 10	75	8	0	83	0	0	0	2.0	-117.0	25	0	Trang Bom, Thông Nhất
Hồ tiêu	Bệnh chết chằm	Các giai đoạn	3 - 10	826	29	103	958	0	0	0	30.0	318.0	430	0	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trang Bom, Tân Phú, Thông Nhất, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh thân thư	Các giai đoạn	5 - 10	821	46	0	867	0	0	0	-39.0	36.0	104	0	Cầm Mỹ, Trang Bom, Thông Nhất, Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	583	22	1	606	0	0	0	11.0	125.0	18	0	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trang Bom, Định Quán, TX Long

													Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	496	47	5	548	0	11.0	39.0	104	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4 - 15	143	9	2	154	0	-3.0	7.0	63	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Mía	Sâu đục thân	Các giai đoạn	5 - 10		138	0	0	138	0	2.0	130.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		526	0	0	526	0	-49.0	526.0	100	Long Thành
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	.1 - 100	80	65.55	103.8	191.9	361.25	0	0.3	361.3	373	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	5 - 10		236	1	0	237	0	-202.0	-18.0	320	Long Thành, Nhon Trạch, Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn	15		14	2	0	16	0	-7.0	-3.0	0	Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Trở chín-thu hoạch	5 - 10		346	6	0	352	0	-86.0	263.0	218	Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Trở chín-thu hoạch	10 - 20	30	338	10	0	348	0	-184.0	296.0	188	Xuân Lộc, TX Long Khánh, Nhon Trạch, Tân Phú
	Bệnh khô vằn	Trở chín-thu hoạch	5 - 20		178	1	0	179	0	-58.0	161.0	120	Nhon Trạch, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Ốc bươu vàng	Trở chín-thu hoạch	1 - 3		140	5	0	145	0	14.0	-219.0	55	Trảng Bom, Long Thành, Thống Nhất
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Trở chín-thu hoạch	3 - 4	8	108	20	0	128	0	-220.0	68.0	193	Nhon Trạch, Tân Phú
Bầu bí	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	2		6	0	0	6	0	0.0	6.0	6	Thống Nhất
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10		14	1	0	15	0	4.0	15.0	2	Trảng Bom, Nhon Trạch
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		14	2	0	16	0	2.0	-4.0	0	Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	10		5	0	0	5	0	3.0	-4.0	1	Nhon Trạch
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	Các giai đoạn	4 - 10		23	0	0	23	0	2.4	18.0	24	Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu
	Bọ nhảy	Các giai đoạn	10 - 15		13	0	0	13	0	1.4	-5.0	6	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	4 - 8		7	0	0	7	0	-0.6	0.0	7	Thống Nhất

Rau cần nước	Bệnh đờ lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thông Nhất
	Sâu xanh	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thông Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	-1.0	-1.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	1.0	0.0	0	Trảng Bom
Rau thập tự	Bọ nhậy	Các giai đoạn	10		1	0	0	1	0	0.2	1.0	1	TP Biên Hòa
	Bệnh sương mai	Các giai đoạn	7		0	0	0	0	0	-0.6	0.0	0	
	Sâu tơ	Các giai đoạn	12		0	0	0	0	0	-0.5	0.0	0	